

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HCM
TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG

BỘ MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI LỚP: 12

TUẦN: 7,8/HK1 (từ 25/10/2021 đến 06/11/2021)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

I. NHIỆM VỤ TỰ HỌC, NGUỒN TÀI LIỆU CẦN THAM KHẢO:

- Đọc SGK bài 9 đến bài 10
- Khai thác Atlas Địa lí Việt Nam.
- Mức độ cần đạt:

1. Kiến thức

- Hiểu và trình bày được các đặc điểm cơ bản của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- Phân tích được nguyên nhân hình thành nên đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- Biết được biểu hiện của nhiệt đới ẩm gió mùa qua các thành phần tự nhiên: Địa hình, thủy văn, thổ nhưỡng.
- Giải thích được đặc điểm nhiệt đới ẩm gió mùa của các thành phần tự nhiên.

2. Kỹ năng

- Sử dụng bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam để nhận biết được đặc điểm cơ bản của thiên nhiên Việt Nam
- Vẽ và phân tích biểu đồ khí hậu Việt Nam.
- Biết phân tích liên hệ giữa các nhân tố hình thành và phân hoá khí hậu
- Có kỹ năng liên hệ thực tế để thấy thuận lợi và khó khăn của khí hậu đối với sản xuất.
- Sử dụng bản đồ Atlas Địa lí Việt Nam để trình bày các đặc điểm nổi bật về địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất đai, thực động vật và nhận xét mối quan hệ tác động qua lại giữa chúng.
- Phân tích thủy chế sông ngòi.

II. KIẾN THỨC CẦN GHI NHỚ:

Chủ đề 1: **ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN VIỆT NAM**

Nội dung II : **Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam**

3. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa

(Bài 9&10)

I. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

1. Tính chất nhiệt đới:

a, Biểu hiện

- Tổng lượng bức xạ lớn.
- Cân bằng bức xạ quanh năm dương.
- Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C (trừ vùng núi cao)
- Tổng số giờ nắng 1400-3000 giờ/năm

b, Nguyên nhân:

- Do vị trí nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến.
- Góc nhập xạ lớn, mọi nơi trong năm có 2 lần Mặt trời qua thiên đỉnh.

2. Lượng mưa, độ ẩm lớn:

a, Biểu hiện

- Độ ẩm không khí cao trên 80%,
- Cân bằng ẩm luôn dương
- Lượng mưa trung bình năm 1500-2000mm/năm

b, Nguyên nhân

- Sự cung cấp hơi nước của biển Đông
- Hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới
- Tác động của bão
- Tác động của gió mùa (đặc biệt là gió mùa hạ)

3. Gió mùa:

Tên gió	Nguồn gốc	Thời gian hoạt động	Phạm vi hoạt động	Hướng gió	Tính chất gió
Gió mùa mùa đông	Áp cao Xibia	Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau	Miền Bắc (đến dãy Bạch Mã).	Đông bắc (Ảnh hưởng của khối khí lạnh phương bắc di chuyển theo hướng Đông Bắc nên thường gọi là gió mùa Đông Bắc)	- Miền Bắc: + Đầu mùa đông (tháng 11, 12, 1): thời tiết lạnh khô. + Cuối mùa đông (tháng 2,3,4) thời tiết lạnh ẩm do biến tính khi qua biển. - Miền Nam: ảnh hưởng gió Tín Phong Bán Cầu Bắc gây mưa cho đồng bằng ven biển Trung Bộ, nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên.
Gió mùa mùa hạ	Áp cao Bắc Ấn Độ Dương	Từ tháng 5, 6, 7	Cả nước	Tây Nam	- Gây nua lớn cho đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên. - Khi vượt qua dãy Trường Sơn và các dãy núi chạy dọc biên giới Việt - Lào, tràn xuống vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ và phía nam khu vực Tây Bắc, khối khí này trở nên khô nóng (gọi là gió phơn Tây Nam, gió Lào hoặc gió Tây)
	Áp cao cận chí tuyến Bán Cầu Nam	Từ tháng 8,9,10	Cả nước	Tây Nam	Khi vượt qua vùng biển xích đạo, khối khí này trở nên nóng ẩm hơn, gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên. - Hoạt động của gió Tây Nam cùng với dãy hội tụ nhiệt đới là nguyên nhân gây mưa cho hai miền Nam, Bắc và tháng 9 cho Trung bộ (mưa vào mùa thu- đông: tháng 9 đến 12) - Do áp thấp Bắc Bộ, khối khí này di chuyển theo hướng đông nam vào Bắc Bộ tạo nên “gió mùa đông nam “ vào mùa hạ ở miền Bắc nước ta.

Hoạt động của gió mùa nên có sự phân mùa rất rõ rệt:

- Miền Bắc : + mùa Đông: lạnh ít mưa
+ mùa Hạ : nóng mưa nhiều

- Miền Nam : mùa khô và mùa mưa

- Giữa Tây Nguyên và đồng bằng ven biển Trung Trung Bộ có sự đối lập về mùa mưa và mùa khô

II. Các thành phần tự nhiên khác:

Thành phần tự nhiên	Biểu hiện (Tính chất nhiệt đới ẩm)	Giải thích (Nguyên nhân)
1. Địa hình	- Xâm thực mạnh ở vùng đồi núi: + Bề mặt địa hình bị cắt xẻ, nhiều nơi đất tro sỏi đá. + Địa hình ở vùng núi đá vôi có nhiều hang động, thung khô. + Các vùng thềm phù sa cổ bị bào mòn tạo thành đất xám bạc màu. + Hiện tượng đất trượt, đá lở xảy ra khi mưa lớn. - Bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu sông: Đồng bằng Sông Hồng và Đồng bằng Sông Cửu Long hằng năm lấn ra biển vài chục đến vài trăm mét.	- Nhiệt độ cao, mưa nhiều, mưa theo mùa làm cho quá trình phong hoá, bóc mòn vận chuyển mạnh. - Địa hình dốc, bề mặt nhám thạch dễ phong hoá.
2. Sông ngòi	- Mạng lưới sông ngòi dày đặc: + Có 2.360 con sông trên 10 km. + Trung bình cứ 20 km đường bờ biển gặp một cửa sông. - Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa: + Tổng lượng nước là 839 tỷ m³/năm. + Tổng lượng phù sa: 200 triệu tấn/năm. - Chế độ nước theo mùa: + Mùa mưa → mùa lũ + Mùa khô → mùa cạn	- Địa hình dốc, cắt xẻ, mưa nhiều - Xâm thực mạnh ở đồi núi - Mưa nhiều, lưu vực ngoài lãnh thổ rộng - Nguồn cung cấp nước chính là nước mưa.
3. Đất đai	- Quá trình Feralit là quá trình hình thành đất chủ yếu ở nước ta - Đất feralit là loại đất chính ở vùng đồi núi - Lớp đất dày	- Mưa nhiều, các chất bazơ dễ hoà tan rửa trôi, đồng thời tích tụ Fe₂O₃; Al₂O₃.. Tạo ra đất feralit (Fe-Al) đỏ vàng. - Phân huỷ mùn trong đất mạnh. Tầng phong hoá dày
4. Sinh vật	- Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh là cảnh quan chủ yếu ở nước ta - Thành phần sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế.	- Nhiệt độ cao, độ ẩm phong phú, tương quan nhiệt ẩm thấp - Phân hoá địa hình theo đai cao => thay đổi nhiệt độ, độ ẩm

III- Ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến hoạt động sản xuất và đời sống:

(Học sinh tự học)

III. BÀI TẬP:

Dựa vào kiến thức nội dung SGK Địa lí 12, từ trang 40 đến trang 46, kết hợp Atlas địa lí Việt Nam, em hãy chọn đáp án đúng nhất cho các câu sau :

Câu 1: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta biểu hiện ở

- độ ẩm lớn, cân bằng ẩm luôn dương.
- lượng mưa hằng năm lớn.
- trong năm có 2 mùa rõ rệt.
- nhiệt độ trung bình năm cao, tổng số giờ nắng lớn.

Câu 2: Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc nên có

- sông ngòi dày đặc.
- địa hình đa dạng.

- C. khoáng sản phong phú.
- D. tổng bức xạ lớn.

Câu 3: Do nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, nên lãnh thổ nước ta có

- A. hoạt động của gió mùa.
- B. tổng lượng mưa lớn.
- C. nền nhiệt độ cao.
- D. ảnh hưởng của biển.

Câu 4: Vị trí nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên có

- A. hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh trong năm.
- B. tổng lượng mưa lớn, độ ẩm không khí cao.
- C. một mùa có mưa nhiều và một mùa mưa ít.
- D. gió mùa Đông Bắc hoạt động ở mùa đông.

Câu 5: Nước ta có đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới do

- A. nằm hoàn toàn ở trong vùng nội chí tuyến.
- B. chịu tác động thường xuyên của Tín phong.
- C. ở khu vực hoạt động của gió mùa châu Á.
- D. giáp Biển Đông thông ra Thái Bình Dương.

Câu 6: Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á nên nước ta có

- A. tổng bức xạ trong năm lớn.
- B. hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.
- C. khí hậu tạo thành hai mùa rõ rệt.
- D. nền nhiệt độ cả nước cao.

Câu 7: Ở nước ta, những nơi có lượng mưa lớn nhất là

- A. đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.
- B. các đồng bằng ven biển miền Trung.
- C. các sườn núi đón gió biển và các khối núi cao.
- D. các thung lũng giữa núi.

Câu 8: Loại gió nào sau đây hoạt động quanh năm ở nước ta?

- A. Tín phong bán cầu Bắc.
- B. Gió phơn Tây Nam.
- C. Gió mùa Tây Nam.
- D. Gió mùa Đông Bắc.

Câu 9: Gió mùa Đông Bắc làm cho khí hậu Bắc Bộ nước ta có

- A. nhiệt độ đồng nhất khắp nơi.
- B. nhiều thiên tai lũ quét, lở đất.
- C. có một mùa đông lạnh và ít mưa.
- D. thời tiết lạnh ẩm mưa nhiều.

Câu 10: Do tác động của gió mùa Đông Bắc nên đầu mùa đông ở miền Bắc nước ta thường có kiểu thời tiết

- A. Ấm áp, khô ráo.
- B. lạnh, khô.
- C. Ấm áp, ẩm ướt.
- D. lạnh, ẩm.

Câu 11: Vào nửa sau mùa đông, gió mùa Đông Bắc ở nước ta có tính chất lạnh ẩm vì gió này di chuyển

- A. qua lục địa Trung Hoa rộng lớn.
- B. xuống phía nam và mạnh lên.
- C. về phía tây và qua vùng núi.
- D. về phía đông qua biển.

Câu 12: Vào nửa sau mùa đông, mưa phùn thường xuất hiện ở

- A. ven biển Bắc Bộ và các đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.
- B. vùng núi Đông Bắc và vùng núi Tây Bắc.
- C. vùng ven biển Bắc Bộ và vùng núi Đông Bắc.
- D. vùng núi Tây Bắc và các đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.

Câu 13: Khi di chuyển xuống phía Nam, gió mùa Đông Bắc hầu như bị chặn lại ở

- A. sông Bến Hải.
- B. dãy Bạch Mã.
- C. dãy Hoành Sơn.
- D. các cao nguyên phía Nam Trung Bộ.

Câu 14: Về mùa đông, từ Đà Nẵng trở vào Nam loại gió nào sau đây chiếm ưu thế?

- A. Gió mùa Đông Bắc.
- B. Gió phơn Tây Nam.
- C. Tín phong bán cầu Bắc.
- D. Tín phong bán cầu Nam.

Câu 15: Khu vực từ Đà Nẵng trở vào Nam về mùa đông có thời tiết đặc trưng là

- A. nóng và khô.
- B. lạnh và khô.
- C. lạnh và ẩm.
- D. nóng và ẩm.

Câu 16: Loại gió nào sau đây là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây nguyên nước ta?

- A. Gió mùa Đông Bắc.
- B. Tín phong bán cầu Bắc.
- C. Gió phơn Tây Nam.
- D. Gió mùa Tây Nam.

Câu 17: Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta vào mùa đông có nhiều biến động thời tiết chủ yếu do tác động của

- A. Tín phong bán cầu bắc gió mùa Đông Bắc và hoạt động của frông.
- B. gió mùa Đông Bắc , hoạt động của frông và hướng của các dãy núi.
- C. hoạt động của frông gió mùa Đông Bắc và các dãy núi vòng cung .
- D. vùng đồi núi rộng và Tín phong bán cầu bắc, hoạt động của frông.

Câu 18: Nguyên nhân gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên vào thời kì đầu mùa hạ là do ảnh hưởng của khối khí

- A. cận chí tuyến bán cầu Bắc.
- B. Bắc Ấn Độ Dương.
- C. cận chí tuyến bán cầu Nam.
- D. lạnh phương Bắc.

Câu 19: Nguyên nhân hình thành gió fơn ở Bắc Trung Bộ là do

- A. gió Tây Nam vượt qua Trường Sơn Bắc.
- B. gió Đông Bắc vượt qua dãy Hoàng Liên Sơn.
- C. gió mùa Tây Nam vượt qua dãy Bạch Mã.
- D. gió mùa Đông Bắc vượt qua dãy Hoàng Sơn.

Câu 20: Sự hình thành gió phơn Tây Nam ở các đồng bằng ven biển miền Trung nước ta là do tác động kết hợp của

- A. gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến và dãy Trường Sơn.
- B. gió mùa Tây Nam từ Nam bán cầu lên và dãy Trường Sơn.
- C. địa hình núi đồi kéo dài ở phía tây và Tín phong bán cầu Bắc.
- D. lãnh thổ hẹp ngang và hoạt động của các loại gió vào mùa hạ.

Câu 21: Loại gió nào sau đây gây mưa lớn cho Nam Bộ nước ta vào giữa và cuối mùa hạ?

- A. Gió mùa Tây Nam.
- B. Tín phong bán cầu Bắc.
- C. Gió phơn Tây Nam.
- D. Gió mùa Đông Bắc.

Câu 22: Vào giữa và cuối mùa hạ, gió mùa Tây Nam hoạt động ở nước ta xuất phát từ áp cao

- A. Xibia.
- B. Bắc Ấn Độ Dương.
- C. cận chí tuyến bán cầu Bắc.
- D. cận chí tuyến bán cầu Nam.

Câu 23: Vào giữa và cuối mùa hạ, do áp thấp Bắc Bộ nên gió mùa Tây Nam khi vào Bắc Bộ chuyển hướng thành

- A. Đông Bắc.
- B. Đông Nam.
- C. Tây Bắc.
- D. Bắc Nam.

Câu 24: Nam Bộ có mưa nhiều vào mùa hạ chủ yếu do tác động của

- A. gió mùa Tây Nam , tín phong , bão ,giải hội tụ , áp thấp nhiệt đới.
- B. Bão , dải hội tụ và áp thấp nhiệt đới , gió mùa Tây Nam và gió phơn Tây Nam
- C. gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến Tín phong bán cầu Bắc và dải hội tụ .
- D. gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.

Câu 25: Nguyên nhân nào sau đây làm cho tháng mưa lớn nhất ở Nam Bộ nước ta đến muộn hơn so với Bắc Bộ?

- A. Vị trí Nam Bộ xa chí tuyến Bắc và gần xích đạo hơn.
 B. Dải hội tụ nhiệt đới hoạt động ở Nam Bộ muộn hơn.
 C. Gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến Nam Bộ sớm hơn.
 D. Gió mùa Tây Nam kết thúc hoạt động ở Nam Bộ muộn hơn.
- Câu 26:** Bắc Bộ có mưa nhiều vào mùa hạ chủ yếu do tác động của
 A. gió mùa Tây Nam, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, dải hội tụ và bão.
 B. gió mùa Tây Nam, gió Tây, địa hình núi, bão, áp thấp nhiệt đới và dải hội tụ.
 C. gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, Tín phong bán cầu Bắc và dải hội tụ.
 D. Tín phong bán cầu Bắc và địa hình vùng núi, áp thấp nhiệt đới và dải hội tụ.
- Câu 27:** Ở nước ta, những nơi có mùa khô và mùa mưa rõ rệt là
 A. Nam Bộ và ven biển Trung Bộ.
 B. Nam Bộ và Tây Nguyên.
 C. Vùng núi Tây Bắc và Tây Nguyên.
 D. Vùng núi Tây Bắc và vùng núi Trường Sơn Bắc
- Câu 28:** Khu vực mưa lớn tập trung về thu–đông ở nước ta là
 A. Bắc Bộ. B. Nam Bộ. C. Ven biển Trung Bộ. D. Tây Nguyên.
- Câu 29:** Sự đối lập về mùa mưa và mùa khô giữa Tây Nguyên và sườn Đông Trường Sơn chủ yếu do tác động kết hợp của
 A. gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc và hai sườn dãy núi Trường Sơn.
 B. địa hình núi đồi, cao nguyên và các hướng gió thổi qua biển trong năm.
 C. dãy núi Trường Sơn và các loại gió hướng tây nam, gió hướng đông bắc.
 D. các gió hướng tây nam nóng ẩm và địa hình núi, cao nguyên, đồng bằng.
- Câu 30:** Các nhân tố nào sau đây là chủ yếu tạo nên mùa mưa ở Trung Bộ nước ta?
 A. Gió mùa Đông Bắc, gió Tây, áp thấp và dải hội tụ nhiệt đới.
 B. Gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới, gió đông bắc và bão.
 C. Tín phong bán cầu Bắc, gió Tây, bão và dải hội tụ nhiệt đới.
 D. Tín phong bán cầu Bắc, gió tây nam, áp thấp nhiệt đới, bão.
- Câu 31:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết địa điểm nào có nhiệt độ trung bình tháng VII cao nhất trong các địa điểm sau đây?
 A. Móng Cái B. A Pa Chải C. Lũng Cú D. Hà Nội
- Câu 32:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về chế độ nhiệt của Lạng Sơn so với Nha Trang?
 A. Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ hơn.
 B. Nhiệt độ trung bình năm cao hơn.
 C. Nhiệt độ trung bình tháng VII cao hơn.
 D. Nhiệt độ trung bình tháng I thấp hơn
- Câu 33:** Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ HUẾ

(Đơn vị: °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
Huế	19,7	20,9	23,2	26,0	28,0	29,2	29,4	28,8	27,0	25,1	23,2	20,8

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

- Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về nhiệt độ của Hà Nội và Huế?
- A. Cả hai địa điểm đều có nhiệt độ cao nhất vào tháng VII.
 B. Nhiệt độ trung bình tháng VII ở Hà Nội thấp hơn Huế.
 C. Nhiệt độ trung bình tháng I ở Huế cao hơn Hà Nội.
 D. Biên độ nhiệt độ trung bình năm ở Hà Nội thấp hơn Huế.
- Câu 34:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nơi nào sau đây có lượng mưa lớn nhất vào tháng X?
 A. Lạng Sơn. B. Đồng Hới. C. Nha Trang. D. Đà Lạt.
- Câu 35:** Cho bảng số liệu:

LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ HUẾ

(Đơn vị: mm)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	18,6	26,2	43,8	90,1	188,5	230,9	288,2	318,0	265,4	130,7	43,4	23,4
Huế	161,3	62,6	47,1	51,6	82,1	116,7	95,3	104,0	473,4	795,6	580,6	297,4

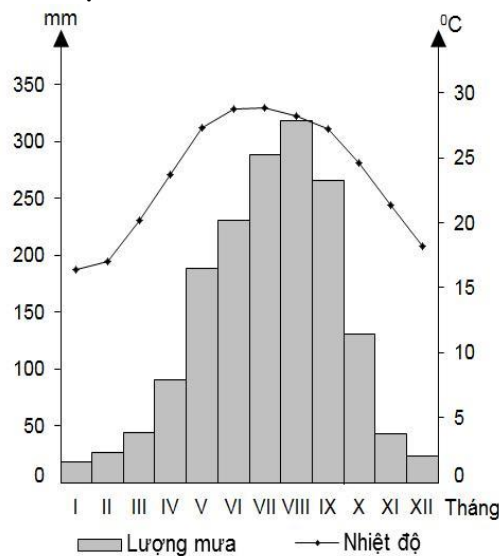
(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về chế độ mưa của Hà Nội và Huế?

- A. Tháng có mưa lớn nhất ở Hà Nội là tháng VIII, ở Huế tháng X.
- B. Tháng có mưa nhỏ nhất ở Hà Nội là tháng I, ở Huế tháng III.
- C. Lượng mưa của tháng mưa lớn nhất ở Huế gấp hai lần Hà Nội.
- D. Mùa mưa ở Hà Nội từ tháng V - X, ở Huế từ tháng VIII - I.

Câu 36: Cho biểu đồ:

NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG Ở HÀ NỘI



Hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về nhiệt độ, lượng mưa ở Hà Nội?

- A. Chế độ mưa có sự phân mùa.
- B. Tháng XII có nhiệt độ dưới 15°C.
- C. Lượng mưa lớn nhất vào tháng VIII.
- D. Nhiệt độ các tháng trong năm không đều.

Câu 37: Ở nước ta, các đồng bằng hạ lưu sông được bồi tụ, mở mang nhanh chóng là hệ quả của

- A. quá trình xâm thực, bóc mòn mạnh mẽ ở miền núi.
- B. mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- C. sông ngòi nhiều nước.
- D. chế độ nước sông theo mùa.

Câu 38: Lượng phù sa sông ngòi nước ta lớn do

- A. mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- B. tổng lượng nước sông lớn.
- C. chế độ nước của sông thay đổi theo mùa.
- D. quá trình xâm thực, bào mòn mạnh mẽ ở miền núi.

Câu 39: Ở nước ta sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa do

- A. khí hậu nhiệt đới gió mùa.
- B. mưa nhiều trên địa hình đồi núi dốc.
- C. trong năm có hai mùa khô, mưa.
- D. đồi núi thấp là chủ yếu.

Câu 40: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Hồng ?

A. Sông Đà. B. Sông Cả. C. Sông Chu. D. Sông Mã.

Câu 41: Nguyên nhân nào sau đây là **chủ yếu nhất làm cho sông ngòi nước ta có tổng lượng nước lớn?**

- A. Thảm thực vật có độ che phủ cao và lượng mưa lớn.
- B. Lượng mưa lớn trên đồi núi dốc và ít lớp phủ thực vật.
- C. Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp và lượng mưa lớn.
- D. Mưa lớn và nguồn nước từ ngoài lãnh thổ chảy vào.

Câu 42: Nhịp điệu dòng chảy trong năm của sông ngòi nước ta chủ yếu phụ thuộc vào

- A. độ dài của sông.
- B. diện tích lưu vực sông.
- C. chế độ mưa mùa.
- D. độ dốc của lòng sông.

Câu 43: Sông ngòi ở khu vực nào sau đây thường có mùa lũ vào thời kì thu đông?

- A. Đông Bắc.
- B. Đông Trường Sơn.
- C. Đồng bằng Bắc Bộ.
- D. Đồng bằng Nam Bộ.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết lưu lượng nước trung bình của sông Hồng (trạm Hà Nội) lớn nhất vào tháng nào trong năm?

- A. Tháng VI.
- B. Tháng VIII.
- C. Tháng VII.
- D. Tháng IX

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ Thác Bà nằm trong lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

- A. Sông Hồng
- B. Sông Cả.
- C. Sông Mã.
- D. Sông Ba.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trong các hệ thống sông sau đây, hệ thống sông nào có tỉ lệ diện tích lưu vực nhỏ nhất?

- A. Sông Đồng Nai.
- B. Sông Cả.
- C. Sông Hồng.
- D. Sông Mã.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất nước ta?

- A. Sông Thái Bình.
- B. Sông Hồng.
- C. Sông Đồng Nai.
- D. Sông Cả.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Thái Bình?

- A. Sông Cả.
- B. Sông Cầu.
- C. Sông Mã.
- D. Sông Chu.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Mã?

- A. Sông Cầu.
- B. Sông Thương.
- C. Sông Chu.
- D. Sông Đà.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Cả?

- A. Sông Hiếu.
- B. Sông Cầu.
- C. Sông Đà.
- D. Sông Thương.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết sông Bến Hải đổ ra biển qua cửa nào sau đây?

- A. Cửa Gianh.
- B. Cửa Nhượng.
- C. Cửa Hội.
- D. Cửa Tùng.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết sông Cả đổ ra biển qua cửa nào sau đây?

- A. Cửa Gianh.
- B. Cửa Việt.
- C. Cửa Tùng.
- D. Cửa Hội.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hồ Trị An thuộc lưu vực hệ thống sông

- A. Đồng Nai.
- B. Thu Bồn.
- C. Mã.
- D. Cả.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây nằm cả ở phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam nước ta?

- A. Đồng Nai.
- B. Cả.
- C. Thu Bồn.
- D. Mê Công.

Câu 55: Ở nước ta, loại đất đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới ẩm là

- A. đất phèn, đất mặn.
- B. đất feralit.
- C. đất cát, đất pha cát.
- D. đất phù sa ngọt.

Câu 56: Loại rừng tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta là

- A. rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit.
- B. rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
- C. rừng ngập mặn với các hệ thống thực vật sú vẹt.
- D. rừng thưa rụng lá và xa van, bụi gai nhiệt đới.

Câu 57: Đất feralit có màu đỏ vàng do

- A. hình thành trên đá mẹ có nhiều chất bado.
- B. nhận được nhiều ánh sáng mặt trời.
- C. lượng phù sa trong đất lớn.
- D. tích tụ nhiều ôxi sắt và ôxi nhôm.

Câu 58 : Quá trình feralit diễn ra mạnh ở vùng

- A. núi cao.
- B. đồng bằng ven biển.
- C. đồi núi thấp.
- D. đồng bằng châu thổ.

IV. NỘI DUNG CHUẨN BỊ:

- Kiểm tra giữa kỳ.
- Ôn tập các chủ đề:
 - o Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam.
 - o Đặc điểm tự nhiên Việt Nam: Đất nước nhiều đồi núi; Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển, thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

V. ĐÁP ÁN BÀI TẬP TỰ LUYỆN:

B. TRẮC NGHIỆM:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	D	D	C	A	A	C	C	A	C	B
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	D	A	B	C	A	B	A	B	A	A
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	A	D	B	D	B	A	B	C	C	B
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	D	D	D	B	C	B	A	D	B	A
Câu	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
Đáp án	D	C	B	B	A	D	B	B	C	A
Câu	51	52	53	54	55	56	57	58		
Đáp án	D	D	A	D	B	A	D	C		

Nếu có thắc mắc HS liên hệ GVBM để được hỗ trợ.